

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG THPT SỐ 1 TỪ NGHĨA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tư Nghĩa, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Về việc lập và thuyết minh dự toán
thu, chi NSNN năm 2026

Kính gửi : - Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
- Sở Tài chính Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà Nước 89/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Sau khi khấu trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên, kinh phí còn lại đơn vị được sử dụng: **25.664.000.000** đồng, trong đó:

- Chi NSNN : 23.939.000.000 đồng

Trong đó:

+ Kinh phí chi thường xuyên: 22.739.000.000 đồng

+Kinh phí không thường xuyên: 1.200.000.000 đồng

- Chi từ nguồn thu : 1.725.000.000 đồng

Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSNN hiện hành;

Trường THPT số 1 Tư Nghĩa lập dự toán thu, chi NSNN năm 2026 được giao theo phụ lục và thuyết minh đính kèm làm cơ sở thực hiện việc kiểm soát chi và quyết toán theo quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT, VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Xuân Lâm



(Kèm theo công văn số: 06/DT-TN ngày 10/01/2026 của Trường THPT số 1 Tư Nghĩa)

DVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
A	B	1
I	Thu	1.725.000.000
1	Thu học phí	1.725.000.000
2	Thu khác	-
II	Dự toán chi NSNN	25.664.000.000
	Mã số : 1082369	
	Chương 422 loại 490 khoản 494	
1	Kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp	23.939.000.000
a	Kinh phí chi thường xuyên	22.739.000.000
b	Kinh phí không thường xuyên để thực hiện chế độ chính sách	1.200.000.000
c	Kinh phí thực hiện các chính sách về tiền lương	-
2	Từ nguồn thu để lại	1.725.000.000

THUYẾT MINH DỰ TOÁN

(Kèm theo công văn số: 06/DT-TN1 ngày 10/01/2026 của Trường THPT số 1 Tư Nghĩa)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
A	B	C
I	Dự toán thu	1.725.000.000
1	Thu học phí	1.725.000.000
	1.475 học sinh x 130.000đ x 9 tháng	
	Dự toán chi NSNN	25.664.000.000
I	Kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp	23.939.000.000
1	Nguồn chi thường xuyên (13)	22.739.000.000
1.1	Nhóm chi cho con người	19.531.000.000
	Biên chế được giao theo QĐ: 93	
	Biên chế hiện có mặt : 91	
1.1.1	Tổng số lương (số biên chế hiện có)	16.462.000.000
	Tổng HSL: 382,87 x 2.340.000 đồng x 12 tháng	10.751.000.000
	Phụ cấp chức vụ: 5,45 x 2.340.000 đồng x 12 tháng	153.000.000
	Phụ cấp ưu đãi: 112,06 x 2.340.000 đồng x 12 tháng	3.147.000.000
	Phụ cấp trách nhiệm, độc hại: 1,55 x 2.340.000 đồng x 12 tháng	44.000.000
	Phụ cấp vượt khung: 3,44 x 2.340.000 đồng x 12 tháng	97.000.000
	Phụ cấp thâm niên nhà giáo: 72,05 x 2.340.000 đồng x 12 tháng	2.023.000.000
	Phụ cấp cấp ủy : 2,7 x 2.340.000 đồng x 12 tháng	76.000.000
	Dự kiến chi nâng bậc lương, PC cả năm	-
	Dự kiến lương 02 biên chế chưa tuyển đủ (HS 2,34)	171.000.000
1.1.2	Số hợp đồng ngắn hạn (Bảo vệ, tạp vụ)	183.000.000
	4.000.000 x 2 người x 12 tháng	96.000.000
	3.700.000 x 1 x 12 tháng	45.000.000
	3.500.000 x 1 x 12 tháng	42.000.000
1.1.3	Phụ cấp lương khác, ngoài giờ	28.000.000
	Phụ cấp làm thêm giờ, trực lễ , tết,...	
	Thừa giờ do có giáo viên nghỉ sinh, ốm đau	28.000.000
1.1.4	Các khoản đóng góp BHXH,YT,CĐ	2.858.000.000
	Tổng HS: 468, 5 x 2.340.000 đ x 12 tháng x 21,5%	2.828.000.000
	((4.000.000 x 2 người x 12 tháng)+(3.700.000 x 1 x 12 tháng)) x 21,5%	30.000.000
	Dự kiến nộp BH do nâng lương,...	
1.2	Nhóm chi hành chính, công vụ	1.057.000.000
1.2.1	Dịch vụ công cộng :	342.000.000
	Thanh toán tiền điện: 17.000.000đ/tháng x 12 tháng	204.000.000
	Thanh toán tiền nước: 10.000.000đ/tháng x 12 tháng	120.000.000
	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường: 1.500.000đ/tháng x 12 tháng	18.000.000
1.2.2	Vật tư văn phòng :	150.000.000
	Mua văn phòng phẩm	45.000.000
	Mua văn phòng phẩm, giấy in phát cho GV làm hồ sơ CM	30.000.000
	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	30.000.000
	Vật tư văn phòng khác, dụng cụ cơ quan, băng rol, khẩu hiệu	45.000.000
1.2.3	Thông tin, tuyên truyền liên lạc:	73.600.000
	Cước phí điện thoại: 600.000đ/tháng x 12 tháng	7.200.000
	Đặt báo: 2.500.000đ/quý x 4	10.000.000

	Thuê bao đường truyền mạng Internet	30.000.000
	Cước phí internet: 2.200.000đ/tháng x 12 tháng	26.400.000
1.2.	Công tác phí :	186.800.000
	Tiền tàu xe công tác phí	50.000.000
	Phụ cấp công tác phí	70.000.000
	Thuê phòng ngủ	50.000.000
	Khoản công tác phí (700.000đ/người x 2 người x 12 tháng)	16.800.000
1.2.	Chi thuê mướn	90.200.000
	Thuê LĐ dọn vệ sinh, cắt cỏ, chặt tỉa cây...	30.000.000
	Thuê mướn khác	60.200.000
1.2.	Phúc lợi tập thể	14.400.000
	Tiền nghỉ phép năm	
	Tiền nước uống: Trà : 1.200.000 đ x 12 tháng	14.400.000
1.2.7	Hội nghị	200.000.000
	Các khoản thuê mướn phục vụ hội nghị sơ kết, tổng kết, 20/11,...	150.000.000
	Các khoản chi trang trí, khác...	50.000.000
1.3	Nhóm chi chuyên môn nghiệp vụ	1.341.000.000
.3.1	Nghiệp vụ chuyên môn	1.003.000.000
	- Mua sách, tài liệu thư viện,...	20.000.000
	- Chi tuyển sinh vào 10	116.000.000
	+ Chi chuẩn bị CSV, VPP, ấn phẩm dùng chung, khai mạc	10.000.000
	+ Chi nước uống, thuốc phòng	6.000.000
	+ Chi cho HĐ coi thi	100.000.000
	- Chi thi giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi cấp trường	58.000.000
	+ Văn phòng phẩm, nước uống...	3.000.000
	+ Chi cho HĐ coi thi, chấm thi	40.000.000
	+ Chi thưởng GV đạt giải	15.000.000
	- Chi thi học sinh giỏi văn hóa cấp trường:	105.000.000
	+ Chi ra đề thi	15.000.000
	+ Chi cho HĐ coi thi ,chấm thi	50.000.000
	+ Chi thưởng HS đạt giải	40.000.000
	- Chi thi học sinh giỏi các môn thi, hội khác cấp trường	110.000.000
	+ Chi ra đề thi	10.000.000
	+ Chi vật liệu chuẩn bị hội thi	20.000.000
	+ Chi cho HĐ coi thi ,chấm thi	50.000.000
	+ Chi thưởng HS đạt giải	30.000.000
	- Chi tham gia các hội thi cấp tỉnh tổ chức	140.000.000
	+ Tiền tập luyện	50.000.000
	+ Mua vật tư, dụng cụ tập luyện và thi đấu các môn thi,...	50.000.000
	+ Thuê xe, chỗ ở cho VĐV, HLV	40.000.000
	- Chi tham gia các hoạt động khác do các ban ngành tổ chức	30.000.000
	- Chi luyện tập, mua DC luyện tập các môn TDTT do các ban ngành tổ chức	40.000.000
	- Đồng phục - trang phục cho GV TD - GDQP, nhân viên	50.000.000
	- Phụ cấp dạy tiết thực hành môn thể dục, QPAN	110.000.000
	- Chi hoạt động ngoại khoá, tập huấn chuyên môn tại trường	70.000.000
	* Ban tổ chức, ban giám khảo...	30.000.000
	* Chi nước uống	2.000.000
	* Chi thưởng đạt giải	38.000.000

	- Chi tham gia thi HSG cấp tỉnh	125.000.000
	+ Thuê xe đưa học sinh dự thi	25.000.000
	+ Chi tiền ăn, các chi phí khác	100.000.000
	- Văn nghệ mừng Đảng, mừng xuân	29.000.000
	+ Công tác tập luyện,...	22.000.000
	+ Thuê trang phục, dụng cụ biểu diễn	7.000.000
.3.2	Chi khen thưởng	260.000.000
	- Khen thưởng đạt danh hiệu LĐTĐ, CSTĐ	100.000.000
	- Khen thưởng cho học sinh	160.000.000
.3.3	Chi khác	78.000.000
	- Tiếp khách	10.000.000
	- Mua hàng hóa, dụng cụ, bánh kẹo chuẩn bị tết nguyên đán	15.000.000
	- Vật dụng dùng cho công tác vệ sinh toàn trường	20.000.000
	- Chi khác	33.000.000
1.4	Nhóm hoạt động tăng cường cơ sở vật chất	810.000.000
.4.1	Sửa chữa thường xuyên:	600.000.000
	Sửa chữa thường xuyên điện, nước.	80.000.000
	Sửa chữa thường xuyên máy photo, máy điều hòa, thiết bị văn phòng...	75.000.000
	Sửa chữa máy vi tính 02 phòng thực hành tin.	80.000.000
	Sửa chữa mạng internet phục vụ giảng dạy...	50.000.000
	Sửa chữa nhỏ phòng học, nhà làm việc, nhà vệ sinh	90.000.000
	Sửa chữa nhỏ các hạ tầng khác	95.000.000
	Sửa chữa tivi, máy tính phục vụ dạy học tại 3 dãy lớp học	70.000.000
	Sửa chữa đường truyền mạng khu hành chính	30.000.000
	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống chiếu sáng bảo vệ dây hiệu bộ, thí nghiệm, 3 dãy phòng học	60.000.000
	Sửa chữa, bảo trì hệ thống PCCC	50.000.000
.4.2	Mua sắm tài sản, thiết bị, dụng cụ	210.000.000
	- Chi mua dụng cụ thí nghiệm, vật liệu thực hành các môn học	80.000.000
	- Mua sắm thiết bị, dụng cụ PCCC và một số vật dụng khác	50.000.000
	- Mua máy móc, dụng cụ, thiết bị văn phòng,...	80.000.000
2	Kinh phí không thường xuyên (12)	1.200.000.000
	Kinh phí chính sách HS khuyết tật theo TT 42/2013/TTLT	140.000.000
	Kinh phí miễn giảm và cấp bù học phí theo NĐ 238/2025/NĐ-CP	800.000.000
	Kinh phí chính sách cho GV dạy HS khuyết tật theo NĐ 28/2012/NĐ-CP	260.000.000
II	<u>Chi từ nguồn thu</u>	<u>1.725.000.000</u>
1	Học phí	1.725.000.000
1.1	Chi lương, phụ cấp lương(40% nguồn thu dùng để CCTL)	690.000.000
	Chi nâng bậc lương, PC các loại cả năm do điều chỉnh lương tối thiểu	690.000.000
1.2	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	282.000.000
	Thi giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh	10.000.000
	Thi Olympic tiếng Anh	10.000.000
	Thi KHKT dành cho HS phổ thông cấp trường	15.000.000
	Thi hoạt động KHKT dành cho HS phổ thông cấp tỉnh	30.000.000
	Hợp đồng giáo viên giảng dạy	30.000.000
	Tiền ăn học sinh tham gia dự thi các cuộc thi cấp tỉnh	20.000.000
	Mua 10.000 hóa đơn điện tử thu học phí	5.000.000
	Gia hạn trang web của trường	2.000.000
	Mua vật tư, DC tập luyện và thi đấu các hội thi cấp tỉnh	20.000.000

	Chi các hoạt động phong trào chào mừng các ngày lễ lớn	30.000.000
	Chi tiền khen thưởng học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa	20.000.000
	Gia hạn phần mềm kế toán (online)	10.000.000
	Mua phần mềm quản lý thi, kiểm tra, dạy học trực tuyến	80.000.000
1.3	Chi hoạt động Hội thi văn hóa, văn nghệ, hoạt động ngoài giờ...	170.000.000
	Hội thi hoạt động chào mừng 26/3	35.000.000
	Hội thi hoạt động chào mừng 20/11	30.000.000
	Làm tập san, thi văn nghệ,...	20.000.000
	Các hội thi tìm hiểu pháp luật, ATGT...	20.000.000
	Hoạt động ngoại khóa cho 3 khối lớp	30.000.000
	KP chi hoạt động cho cụm thi đua khối	15.000.000
	Hoạt động tham gia các giải khác do ngành tổ chức	20.000.000
1.4	Chi khen thưởng	250.000.000
	- Khen thưởng đạt danh hiệu LĐTT, CSTĐ	20.000.000
	- Khen thưởng học sinh cuối năm học	230.000.000
1.5	Phúc lợi tập thể	176.000.000
	Tiền nghỉ phép năm	10.000.000
	Tiền phúc lợi ngày 5 lễ, hội nghị lớn : 97 người x 300.000đ x 5 ngày	145.500.000
	Chi chúc mừng, thăm viếng, các hoạt động tập thể khác	20.500.000
1.6	Chi mua thiết bị dạy học, dụng cụ học tập, hồ sơ chuyên môn	75.000.000
	Các loại hồ sơ chuyên môn phát cho GV	15.000.000
	Sách giáo khoa, sách tham khảo, ôn tập, báo, tạp chí thư viện	25.000.000
	Mua vật liệu, dụng cụ dạy thực hành, hóa chất các môn học,...	35.000.000
1.7	Chi khác	82.000.000
	- Chi mua đồ dùng cho công tác vệ sinh của giáo viên và học sinh	10.000.000
	- Chi tiếp khách, phúc lợi, các khoản chi khác	47.000.000
	- Cưa, cắt cây bóng mát, dọn cỏ khuôn viên trường	25.000.000